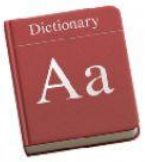
法汉词典
fǎ hàn cídiǎn

日德词典
rì dé cídiǎn

俄韩词典
É hán cídiǎn

英俄词典
yīng é cídiǎn


















LIVEWORKSHEETS